

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 6 - 2020

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Út Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

Bà **Phạm Kiều Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Quàng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Ngọc H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: B4 – 54 N, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Lam Ngọc T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 72072 T, D 80, D, Germany.

(Nguyên đơn, bị đơn đều xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai chị Trịnh Thị Ngọc H trình bày:

Năm 2015, chị và anh Lam Ngọc T quen biết nhau qua mai mối, quá trình tìm hiểu chị và anh T nảy sinh tình cảm và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 16/01/2015. Sau khi kết hôn, anh T trở về Đức, cùng lúc này anh T có làm thủ tục bảo lãnh chị qua Đức đoàn tụ. Khoảng từ năm 2020, vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mặc dù nhiều lần hàn gắn nhưng không thành.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết các vấn đề như sau:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Lam Ngoc T.
- Về con chung: Chị và anh T có một đứa con chung tên Lâm Tuấn P, sinh ngày 17/09/2015. Chị yêu cầu được nuôi con. Đồng thời yêu cầu anh T cấp dưỡng 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Phước đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản đồng ý ly hôn anh Lam Ngoc T trình bày: Năm 2015, anh và chị H quen biết nhau qua mai mối, quá trình tìm hiểu anh và chị H nảy sinh tình cảm và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 16/01/2015. Sau khi kết hôn, anh trở về Đức, cùng lúc này anh có làm thủ tục bảo lãnh chị H qua Đức đoàn tụ. Khoảng từ năm 2020, vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mặc dù nhiều lần hàn gắn nhưng không thành.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H làm đơn yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết các vấn đề như sau:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với chị Trịnh Thị Ngọc H.
- Về con chung: Anh và chị H có một đứa con chung tên Lâm Tuấn P, sinh ngày 17/09/2015. Anh đồng ý giao cho chị H nuôi con và cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa xét xử vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị Ngọc H và anh Lam Ngoc T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trịnh Thị Ngọc H và anh Lam Ngoc T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/01/2015. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh T trở

về Đức sinh sống, đồng thời có làm thủ tục bảo lãnh chị H qua Đức đoàn tụ, tuy nhiên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và cự cãi, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy, không còn tình cảm với nhau, nên chị H làm đơn yêu cầu ly hôn, anh T cũng có văn bản đồng ý ly hôn với chị H

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất cho chị H được ly hôn với anh T

Về con chung: Chị H và anh T xác định có một đứa con chung tên Lâm Tuấn Phước, sinh ngày 17/09/2015. Chị H yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T đồng ý giao cháu Lâm Tấn P cho chị H nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Phước đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác định không có, nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Phần tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lam Ngoc T.

2. Về quan hệ con chung:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lam Ngoc T đồng ý giao cháu Lâm Tuấn P, sinh ngày 17/09/2015 cho chị Trịnh Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của anh Lam Ngoc T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Tuấn P, sinh ngày 17/09/2015 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Phước đủ 18 tuổi.

Anh Lam Ngoc T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Thị Ngọc H và anh Lam Ngoc T không có tài sản chung, nợ chung, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Ngọc H nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp (do chị Trần Huỳnh L nộp thay) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0003022 ngày 05/3/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Riêng anh Lam Ngoc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn

